TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2021
Về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Thanh Dũng.

2. Ông Lý Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sở thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đìnhthụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số216/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1985 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985(Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Th, xã TrX, huyện T, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C trình này và yêu cầu: Bà và ông T quen biết do mai mối, qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 2008, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TrX vào ngày 15/7/2013. Thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hữu B (Nam), sinh ngày 08/01/2009 và Nguyễn Thị Quỳnh N (Nữ), sinh ngày 13/4/2018. Vào khoảng tháng 11/2020 giữa vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng về tình cảm, kinh tế gia đình khi làm công nhân ở Đồng Nai dẫn đến thường xuyên cự cãi.

Bà cố gắng duy trì hôn nhân để vợ chồng hàn gắn sống hạnh phúc nhưng không đạt kết quả, sau đó thì ông T bỏ về quê sinh sống đến nay. Thấy rằng những bất đồng không được giải quyết, thời gian ly thân ông bà không hề có biện pháp nào hàn gắn hiệu quả nên bà yêu cầu ly hôn với ông T, tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu xem xét.

Ông T trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà C về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản và nợ. Về nguyên nhân bất đồng dẫn đến mâu thuẫn giữa ông bà là do trong thời gian làm công nhân ở Đồng Nai bà C quản lý kinh tế quá chặt, không cho ông giao tiếp bạn bè nên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn này ngày càng lớn dẫn đến cự cãi nên đến cuối năm 2020 ông bỏ về nhà cha mẹ sinh sống và ly thân đến nay. Ông không đồng ý ly hôn với bà C mà xin hàn gắn, đoàn tụ vì vẫn còn thương yêu bà C. Về con thì cả 02 con đều do bà C nuôi dưỡng, nếu bà muốn ly hôn ông yêu cầu nuôi dưỡng cháu Như, giao bà C nuôi dưỡng cháu Bình, không ai phải cấp dưỡng (Bản tự khai ngày 15/3/2021).

Cháu B trình bày: Theo Tờ tự khai ngày 12/4/2021 cháu có nguyện vọng chung sống với bà C và bà ngoại. Mong muốn cả 02 anh em đều sống với bà C.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C cung cấp Bảng lương thưởng năm 2020 của Công ty TNHH Greatveca Việt Nam với mức thu nhập tháng 12/2020 là 9.589.000 đồng, tháng 01/2021 là 9.660.000 đồng, tháng 02/2021 là 8.364.000 đồng để chứng minh thu nhập ổn định nuôi con.

Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn,nuôi con. Cháu N hiện nay do bà nuôi dưỡng, được gửi Nhà trẻ, chăm sóc về tinh thần, sức khỏe bình thường. Thời gian không làm tăng ca thì bà đưa rước cháu, trong thời gian tăng ca thì có sự hỗ trợ của người thân đi làm chung chăm sóc nên vẫn bảo đảm được việc nuôi dưỡng trẻ. Việc nuôi dưỡng này cũng giống như ông T, nếu ông đi làm thì ông vẫn cần sự hỗ trợ của người thân trong khi ông hiện chưa có việc làm ổn định nên không đảm bảo thu nhập nuôi con. Ông T trình bày hiện nay ông đi làm phụ hồ nên không thể có bảng lương, không cung cấp được thu nhập. Ngoài ta, ông còn cung cấp Tờ cho đất con ngày 12/4/2021 có xác nhận của Ban nhân dân ấp Thới Thanh B ông Huỳnh Hữu Ch vào ngày 11/4/2021 và Tờ trình ngày 04/5/2021 có xác nhận của Ban nhân dân ấp Thới Thanh B ông Huỳnh Hữu C vào ngày 03/5/2021 để chứng minh rằng ông được cha mẹ cho đất nên có khả năng để nuôi con. Ông bà cho rằng trong suốt thời gian ly thân mỗi người cư trú một nơi, ông T cũng mặc kệ, không liên lạc để nói chuyện hàn gắn nên không có chuyện ông còn yêu thương vợ, mong muốn đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các văn bản, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà C yêu cầu được ly hôn với ông T, trực tiếp nuôi con chung Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, nuôi con để giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo tinh thần của Luật Hôn nhân và gia đình, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chung sống, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Mặc dù ông không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt thời gian phát sinh mâu thuẫn, ly thân ông không thể hiện tinh thần mong muốn hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến nhaudẫn đến đời sống vợ chồng tách biệt riêng lẻ nhiều mặt nên việc ông cho rằng còn thương yêu bà C là không phù hợp với những gì đã thể hiện. Do đó yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu nuôi con: Bà C hiện đang có công việc và mức lương liên tiếp 03 tháng liền kề ổn định trong khi ông T không cung cấp được. Ông T chứng minh thu nhập, kinh tế thông qua Tờ cho đất con ngày 12/4/2021 nhưng được đại diện Ban nhân dân ấp xác nhận ngày 11/4/2021 (trước ngày làm đơn 01 ngày), Tờ trình ngày 04/5/2021 được đại diện Ban nhân dân ấp xác nhận ngày 03/5/2021 (trước ngày làm đơn 01 ngày) là không phù hợp về mặt thời gian. Hơn nữa, đại diện Ban nhân dân ấpchỉ ký tên xác nhận mà chưa có đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã cũng chưa đúng quy định, việc xác nhận này chỉ dựa vào lời trình bày của cha mẹ ông T không kèm theo bất kỳ văn bản nào thể hiện đã cho đất ông T (như hợp đồng tặng cho phải được công chứng, chứng thực của Văn phòng công chứng, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã và đã tiến hành đăng lý tại cơ quan chức năng có thẩm quyền). Từ những căn cứ trên thấy rằng ông T không chứng minh được mình có công việc, thu nhập ổn định để bảo đảm việc nuôi con nên yêu cầu nuôi cháu Như của ông không có căn cứ chấp nhận. Cháu B có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà C và bà ngoại, căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nguyện vọng này phù hợp với yêu cầu, khả năng của bà C nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà C được quyền nuôi dưỡng cháu B và cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy ông T không T tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 ông có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Ghi nhận lời trình bày của ông bà về việc không có tài sản, không nợ. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào:*Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trương Thị C.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị C ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về con: Giao bà Trương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hữu B (Nam), sinh ngày 08/01/2009 và Nguyễn Thị Quỳnh N (Nữ), sinh ngày 13/4/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản, nợ: Không có, xem xét giải quyết, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Trương Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2019/016197 ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ,bà không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- Ủy ban nhân dân X. Trường Xuân B, H. Thới Lai, Tp. Cần Thơ;
- Lưu: TK. Tưởng, hồ sơ vụ án (TC: 10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn